

LẠI BÀN VỀ CHẾ ĐỘ SỞ HỮU, THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Mai Ngọc Cường*

Ngày nhận: 8/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 16/10/2014

Ngày duyệt đăng: 20/10/2014

Tóm tắt

Từ kết quả nghiên cứu của chuyên đề “*Tư duy mới về sở hữu và thành phần kinh tế*” thuộc đề tài cấp nhà nước KX01.12/11-15 “*Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới*”, bài báo khái quát thành công và những bất cập trong quá trình đổi mới tư duy về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp ở nước ta từ 1986 đến nay. Trên cơ sở đó đề xuất ba vấn đề: (i) nền kinh tế nước ta có hai chế độ sở hữu là công hữu và tư hữu, với nhiều hình thức sở hữu khác nhau; (ii) trong nền kinh tế tồn tại ba thành phần là kinh tế các doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; (iii) Doanh nghiệp nhà nước có chức năng tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội, đóng vai trò mở đường cho sự phát triển cho các doanh nghiệp khác; Doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn FDI có chức năng tạo ra hiệu quả kinh tế thuần cho nền kinh tế, thực hiện vai trò động lực phát triển kinh tế.

Từ khóa: Chế độ sở hữu, Thành phần kinh tế, Loại hình doanh nghiệp

Discussion on ownership regime, economic sectors, and business types in Vietnam

Abstract:

Based on the findings of the study “New thinking of ownership regime and economic component” under project KX01.12/11-15 “New thinking of economic development in the new context”, this paper provides the overview of achievements and limitations in the process of thinking renovation of concepts pertaining to ownership regime, economic sectors, and business types in Vietnam since 1986. Based on this, three recommendations are provided as follows: (i) Vietnam economy should adopt two ownership types, including public ownership and private ownership; (ii) The economy should adopt 3 types of economic sectors, including state-owned sector, private sector, and foreign invested sector; (iii) State-owned enterprises should play a role in creating socio-economic efficiency, facilitating the development of other economic sectors; Private and FDI businesses should play an important role in creating net economic efficiency and is the momentum for development of the economy.

Keywords: Ownership regime, economic sectors, business types

1. Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển cho thấy, buổi ban đầu phát triển, nền kinh tế thị trường ra đời gắn với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân. Trong quá trình phát triển, nhất là sau khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, chế độ sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước phát triển mạnh. Ngày nay, ở tất cả các nền kinh tế thị trường phát triển đều tồn tại hai chế độ sở hữu là sở hữu tư nhân và sở hữu nhà nước, gắn liền là doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước với tỷ trọng khác nhau. Như thế có thể nói cốt lõi của nền kinh tế thị trường là chế độ đa sở hữu về tư liệu sản xuất. Để có nền kinh tế thị trường, phải thừa nhận chế độ đa sở hữu về tư liệu sản xuất. Việc này ở Việt Nam diễn ra khá thận trọng.

Dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài cấp nhà nước KX01.12/11-15 *Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới* và báo cáo về *Phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phục vụ tổng kết 30 năm về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* do trường Đại học Kinh tế quốc dân thực hiện, bài viết này khái quát quá trình đổi mới tư duy nhận thức, những bất cập hiện tại và khuyến nghị một số định hướng nhằm hoàn thiện chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển thị trường hiện đại ở Việt Nam.

2. Khái quát quá trình đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp qua các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đại hội lần thứ VI (12/1986) đánh dấu bước đi đầu tiên của Việt Nam trong việc thừa nhận ở nước ta thành phần “*kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền thành phần đó*” và “*các thành phần kinh tế khác bao gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà cao nhất là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr. 57-58).

Về vai trò của các thành phần kinh tế, Đại hội xác

định “*điều quan trọng nhất là củng cố và phát triển kinh tế - xã hội chủ nghĩa, trước hết là làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, chi phối được các thành phần kinh tế khác*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.59). Còn các thành phần kinh tế khác vẫn thuộc đối tượng phải cải tạo, chuyển tư hữu thành từng nấc thang công hữu phù hợp, nên “*cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.57).

Đến Đại hội lần thứ VII (6/1991) việc đa dạng hoá các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất mới chính thức được thừa nhận. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội thông qua có đoạn viết: “*Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.316-317).

Đại hội VII đã phân chia chi tiết nền kinh tế thành 5 thành phần chứ không phải 2 khu vực. Nó bao gồm Kinh tế quốc doanh; Kinh tế tập thể; Kinh tế cá thể, tiểu chủ; Kinh tế tư bản tư nhân; Kinh tế tư bản nhà nước. Trong đó, kinh tế quốc doanh tiếp tục được xác định giữ vai trò chủ đạo (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.318-319) theo nghĩa phát triển có hiệu quả, nắm vững những ngành và lĩnh vực then chốt.

Trong Văn kiện Đại hội VII lần đầu tiên Đảng ta thừa nhận “*Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.319). Có thể nói đây là những phát triển về hình thức sở hữu và mô hình tổ chức kinh doanh hay loại hình doanh nghiệp.

Đến năm 1992, Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới chính thức thừa nhận sở hữu tư nhân là một trong ba chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất tồn tại trong xã hội, mặc dù nó vẫn bị coi là chế độ sở hữu thứ yếu. Điều 15 của Hiến pháp ghi: “*Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.*” (Quốc hội Việt Nam, 2004, tr.19).

Quan điểm về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế

và loại hình doanh nghiệp tại Đại hội lần thứ VIII (1996) có những thay đổi. Thành phần kinh tế do nhà nước nắm giữ giờ đây không chỉ có doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp quốc doanh mà còn có cả các bộ phận khác như: ngân sách, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ dự trữ quốc gia, tài nguyên,... Như vậy, kinh tế nhà nước không còn chỉ dựa trên chế độ và hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nữa mà bao gồm cả sở hữu các yếu tố và điều kiện của sản xuất nằm ngoài chưa huy động vào các cơ sở sản xuất kinh doanh của nhà nước mà thậm chí những điều kiện và yếu tố đó cũng phải huy động phục vụ cho cả các thành phần kinh tế ngoài nhà nước xuất phát từ vai trò quản lý vĩ mô của mình. Theo đó, “*kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.477). Đại hội cũng khẳng định: “*Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về công nghệ, khả năng tổ chức quản lý của nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước*”; “*Kinh tế cá thể, tiểu chủ có vị trí quan trọng lâu dài*”; “*kinh tế tư bản tư nhân có khả năng góp phần xây dựng đất nước*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.480- 481).

Đến Đại hội lần thứ IX (4/2001) khái niệm chế độ sở hữu được thay bằng hình thức sở hữu cơ bản. Văn kiện viết: “*Từ các hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr.644).

Ngoài 5 thành phần kinh tế như trước đây, Đại hội lần thứ IX xác định có thêm một thành phần kinh tế mới, đó là, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong khi coi thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội cũng khẳng định là tất cả các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, các thành phần kinh tế ngoài kinh tế nhà nước, giờ đây không còn là bộ phận thuộc đối tượng phải cải tạo, cũng không thuộc bộ phận mang tính chất bổ sung tạm thời mà là đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước được giải thích “*là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế*”; “*đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr. 644).

Về mô hình tổ chức kinh doanh và loại hình doanh nghiệp, đại hội cũng làm rõ khuyến khích phát triển mọi hình thức “*đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần ...Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2005, tr. 646-647).

Đại hội lần thứ X (4/2006) khái niệm chế độ sở hữu lại được sử dụng trở lại. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương khoá IX tại Đại hội viết: “*Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân) hình thành nhiều hình thức sở hữu.*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2006, tr. 83). Số lượng thành phần kinh tế được giảm từ 6 xuống 5 bằng cách gộp thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ với thành phần kinh tế tư bản tư nhân để trở thành thành phần kinh tế tư nhân (Đảng cộng sản Việt Nam, 2006, tr. 83).

Nhấn mạnh và cụ thể thêm quan điểm Đại hội lần thứ X, Đại hội lần thứ XI (1/2011) chỉ ra “*Tiếp tục thể chế hoá quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước..., quy định rõ quyền và trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội.*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 206-207).

Về vị trí vai trò của các thành phần kinh tế, văn kiện Đại hội ghi rõ “*Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.*” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011, tr.73-74)

Nhận xét về tư duy của Đảng về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp ta thấy:

Thứ nhất, nhận thức về sự tồn tại của chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường. Từ chỗ chỉ thừa nhận kinh tế xã hội chủ nghĩa với hai bộ phận quốc doanh và tập thể, các doanh nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, còn các thành phần kinh tế khác là đối tượng của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa; đến chỗ thừa nhận nền kinh tế nước ta dựa trên các chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, với sự tồn tại của các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, trong đó có doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn FDI với các loại hình doanh nghiệp tương ứng. Tất cả các chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình tổ chức doanh nghiệp tồn tại khách quan trong nền kinh tế, đều là các bộ phận hữu cơ của nền kinh tế. Cơ cấu về sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp như thế là phù hợp với mọi nền kinh tế thị trường đương đại.

Thứ hai, luôn luôn đặt sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, kinh tế quốc doanh (mà hiện nay là kinh tế nhà nước) và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế thị trường, trong đó kinh tế quốc doanh (nay là kinh tế nhà nước) đóng vai trò chủ đạo, là công cụ điều tiết vĩ mô và thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nhận thức về chế độ sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân, các loại hình doanh nghiệp tư nhân đã có những thay đổi khá quan trọng. Từ chỗ không được thừa nhận đến chỗ được thừa nhận; từ chỗ là đối tượng phải cải tạo đến chỗ được tự do phát triển, được tôn trọng và bình đẳng, và cuối cùng được coi là động lực của nền kinh tế.

Như vậy, mặc dù còn có những vấn đề chưa thống nhất, nhưng nhìn chung nhận thức của Đảng về khu vực tư nhân ngày càng đúng đắn, phù hợp với cơ sở tồn tại của nền kinh tế thị trường. Đây là điều kiện cơ bản làm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành và phát triển ở Việt Nam; cơ chế vận hành nền kinh tế nhờ đó cũng có cơ sở để tạo lập phù hợp. Do đó, các loại

Bảng 1: Các chỉ tiêu chủ yếu của các loại hình doanh nghiệp

		2005	2009	2010	2011
Tổng số doanh nghiệp:	- Nhà nước	4.086	3.360	3.281	3.265
	- Ngoài nhà nước	98.833	226.676	268.831	312.416
	- Có vốn đ.tư NN	3.697	5.626	7.248	9.010
Vốn (1.000 tỷ):	- Nhà nước	1.444,94	3.200,09	3.701,83	4.568,54
	- Ngoài nhà nước	682,28	3.514,80	5.451,77	6.875,01
	- Có vốn đ.tư NN	527,96	1.221,77	1.687,45	2.179,23
D.thu thuần (1.000 tỷ):	- Nhà nước	838,38	1.603,10	2.033,56	2.695,66
	- Ngoài nhà nước	833,77	3.224,85	4.068,24	5.574,25
	- Có vốn đ.tư NN	468,40	1.072,36	1.385,91	2.032,06
T.nhập b.q (tr./ng/th):	- Nhà nước	1.053,16	2.760,29	3.684,14	4.525,30
	- Ngoài nhà nước	439,16	566,12	571,62	577,34
	- Có vốn đ.tư NN	1.482,93	1.760,79	1.972,11	1.957,99
Tỷ suất lợi nhuận (%):	- Nhà nước	5,40	7,89	5,31	5,18
	- Ngoài nhà nước	1,19	2,27	2,71	1,48
	- Có vốn đ.tư NN	11,82	10,96	8,84	5,06
GDP (%) của các DN:	- Nhà nước	37,62	34,72	33,46	32,68
	- Ngoài nhà nước	47,22	47,97	48,85	49,27
	▪ Kinh tế tập thể	6,65	5,80	5,32	5,16
	▪ Kinh tế tư nhân	8,51	10,46	10,76	10,91
	▪ Kinh tế cá thể	32,06	31,71	32,77	33,20
- Có vốn đ.tư NN	15,16	17,31	17,69	18,08	
Thu ngân sách NN (%):	- Nhà nước	17,12	16,68	18,48	19,06
	- Ngoài nhà nước	7,42	10,11	10,53	11,9
	- Có vốn đ.tư NN	8,36	10,21	11,17	11,03

Nguồn: Tổng cục thống kê (2013)

hình doanh nghiệp ở nước ta ngày càng phát triển và được đa dạng hóa, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế những năm đổi mới. Bảng 1 cho thấy sự phát triển đa dạng và đóng góp của các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp kể từ năm 2005 đến 2011.

3. Những bất cập về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Mặc dù nền kinh tế đã được xây dựng trên cơ sở đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp, song nhận thức về chế độ sở hữu, thành phần kinh tế, sự phát triển các loại hình doanh nghiệp Việt Nam hiện còn nhiều vấn đề chưa thật phù hợp với nền kinh tế tổ chức theo hướng thị trường.

Thứ nhất, chế độ sở hữu ở Việt Nam hiện nay còn những vấn đề chưa phù hợp với lý luận và với thực tiễn phát triển của nền kinh tế thị trường. Hiện nay, Việt Nam vẫn khẳng định có 3 chế độ sở hữu: Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Trong khi đó về lý luận, cũng như về thực tiễn kinh tế thị trường thế giới chỉ có hai chế độ sở hữu: công hữu và tư hữu với nhiều hình thức khác nhau. Đã có thời kỳ Việt Nam đã phê phán rất gay gắt sở hữu toàn dân, coi nó thực chất là vô chủ, song đến nay vẫn duy trì, dẫn đến sự thiếu thống nhất. Chẳng hạn đất đai, một đầu vào vô cùng quan trọng cho hoạt động sản xuất-kinh doanh của nền kinh tế, được xác định là thuộc sở hữu toàn dân, nhưng người dân lại có các quyền chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê, chuyển đổi, cho, tặng, góp vốn kinh doanh.

Thứ hai, còn nhầm lẫn trong việc phân định thành phần kinh tế. Văn kiện Đại hội XI ghi nhận có 4 thành phần kinh tế là: thành phần kinh tế nhà nước, thành phần kinh tế tập thể, thành phần kinh tế tư nhân, thành phần kinh tế có vốn FDI,...trong đó, thành phần kinh tế nhà nước bao gồm ngân sách, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ dự trữ quốc gia, tài nguyên, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội,... và các doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Quan niệm về thành phần kinh tế nhà nước như trên là sự nhầm lẫn, không phù hợp cả về lý luận và thực tiễn, dẫn đến sự bất bình đẳng ngay từ cách nhìn nhận.

(i). Về mặt lý luận, thành phần kinh tế là loại hình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên một hình thức sở hữu nhất định. Với cách hiểu như thế,

thành phần kinh tế nhà nước chỉ bao gồm các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, các doanh nghiệp cổ phần mà nhà nước có số cổ phiếu khống chế và % vốn nhà nước ở trong các công ty cổ phần, các doanh nghiệp liên doanh, liên kết khác.

Vì thế, việc coi thành phần kinh tế nhà nước không chỉ dựa trên hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất của các cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp nhà nước) mà còn đưa vào khái niệm này cả ngân sách, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ dự trữ quốc gia, tài nguyên, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội,... như hiện nay là sự nhầm lẫn về mặt lý luận; bởi lẽ, ngân sách, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ dự trữ quốc gia, tài nguyên, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội,... không phải là một *loại hình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh*.

(ii). Vì thế nên trong thực tiễn, trong các số liệu thống kê Việt Nam đến nay không có số liệu để thống kê được thành phần kinh tế nhà nước mà chỉ có các số liệu thống kê được kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp ngoài nhà nước và các doanh nghiệp có vốn FDI.

(iii). Việc phân định thành phần kinh tế như hiện nay vừa không những thoát ly cơ sở khoa học (không phù hợp với lý luận và thực tiễn) mà còn tạo ra sự bất bình đẳng từ nội hàm của tư tưởng này. Bởi lẽ, Ngân sách nhà nước, hệ thống bảo hiểm, quỹ dự trữ quốc gia là do mọi thành phần kinh tế trong xã hội đóng góp, là tài sản chung của toàn xã hội, giờ đây lại trở thành tiềm lực kinh tế của thành phần kinh tế nhà nước. Đó là một sự bất bình đẳng.

Đồng thời, với tiềm lực của thành phần kinh tế nhà nước như thế, thì các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI không có khả năng cạnh tranh với thành phần kinh tế nhà nước. Nói cách khác, đã tạo ra một sự bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế ngay từ cách phân loại thành phần kinh tế như hiện nay.

Thứ ba, xác định vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước chưa đúng với chức năng của nó, nên vừa làm cho doanh nghiệp nhà nước không thực hiện được vai trò mà nó không có, vừa làm yếu chức năng vốn có của nó, lại tạo ra sự bất bình đẳng giữa các loại hình tổ chức doanh nghiệp. Trong mọi xã hội, doanh nghiệp là nguồn gốc sự giàu có của xã hội, bởi lẽ với chức năng của mình, doanh nghiệp là nơi duy nhất tạo ra của cải của xã hội, mục tiêu hoạt động của nó là lợi nhuận, nhiệm vụ của nó là cung

cấp hàng hóa dịch vụ cho xã hội. Tuy nhiên, nhận thức này đến nay vẫn chưa được quán triệt đầy đủ trong các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong các văn kiện các Đại hội Đảng, kể từ khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới cho đến nay, doanh nghiệp nhà nước luôn luôn vẫn giữ vị trí vai trò chủ tôn là chủ đạo so với các doanh nghiệp khác. Hơn thế nữa, doanh nghiệp nhà nước còn được coi là công cụ điều tiết vĩ mô và định hướng xã hội chủ nghĩa cho nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Điều này rõ ràng là không phù hợp với chức năng, mục tiêu và nhiệm vụ vốn có của doanh nghiệp, nơi tạo ra của cải xã hội. Chính vì giao cho doanh nghiệp nhà nước vị trí vai trò mà chức năng không phải là của nó, làm cho doanh nghiệp nhà nước không thực hiện được chức năng vốn có là tạo ra của cải, làm giàu cho xã hội. Sau gần 30 năm đổi mới, đến nay doanh nghiệp nhà nước vẫn rất yếu kém, lạc hậu về công nghệ, năng suất chất lượng thấp, hiệu quả kinh tế - xã hội và ý thức chấp hành pháp luật thấp; hay nói cách khác vị trí vai trò chủ đạo không thực hiện được.

Thêm nữa, về mục tiêu, lợi ích của doanh nghiệp và định hướng xã hội chủ nghĩa luôn mâu thuẫn. Là nguồn gốc tạo ra của cải, doanh nghiệp luôn lấy mục tiêu lợi nhuận để tồn tại, bởi lẽ nếu không có lợi nhuận thì doanh nghiệp không còn là doanh nghiệp nữa, vì thế mới nảy sinh quan hệ phân phối không công bằng trong xã hội. Nay trao cho doanh nghiệp nhà nước vai trò chủ đạo để định hướng xã hội chủ nghĩa là điều trái với chức năng và mục tiêu của doanh nghiệp, nó không thể làm được. Nhiều ví dụ minh chứng cho điều này trong thực tiễn. Chẳng hạn, khi Đảng và Nhà nước ta đưa ra chủ trương chống lạm phát thì các doanh nghiệp nhà nước lại đi đầu trong việc tăng giá cả hàng hóa, dẫn đến gia tăng lạm phát,...

Loay hoay với việc củng cố hoàn thiện quản lý kinh tế, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, tập trung nguồn lực, những ưu đãi lớn cho khu vực này để cho nó thực hiện vị trí vai trò mà không phải là chức năng và mục tiêu của nó nên không những đã tạo ra sự bất bình đẳng trong đối xử giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, mà còn tạo ra những kẻ hở, mảnh đất nảy sinh và nuôi dưỡng những tiêu cực như lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, tham nhũng, ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

Thứ tư, xác định kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng không phù hợp với thực tiễn. Bởi lẽ thực tiễn cho thấy, những năm qua, xét về đóng góp vào sự giàu có của đất nước thì kinh tế nhà nước (thực chất là doanh nghiệp nhà nước) và kinh tế tập thể luôn chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm xuống, còn kinh tế tư nhân, cá thể và kinh tế có vốn FDI lại chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng tăng. Năm 2005, tỷ lệ % GDP của kinh tế nhà nước là 37,62%, của kinh tế tập thể là 6,65%, tổng cộng hai thành phần này là 44,27%, còn tỷ lệ % GDP của kinh tế tư nhân cá thể là 40,57% và của kinh tế có vốn FDI là 15,16%, tổng cộng là 55,73%. Đến năm 2011, tỷ lệ % GDP của kinh tế nhà nước là 32,68%, kinh tế tập thể là 5,16%, hay tổng số đóng góp của hai thành phần này là 37,84%, còn tỷ trọng của kinh tế tư nhân cá thể là 44,11% và kinh tế có vốn FDI là 18,08%, tổng cộng là 62,16% (Tổng cục thống kê, 2013). Với tỷ trọng và xu hướng vận động như thế thì làm sao kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể lại được coi là nền tảng của nền kinh tế?

4. Một số khuyến nghị về hoàn thiện chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và vị trí vai trò của doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện đại.

Thứ nhất, về chế độ sở hữu, thực tiễn phát triển kinh tế thị trường cho thấy, trong nền kinh tế thị trường có hai chế độ sở hữu là sở hữu công và sở hữu tư với nhiều hình thức sở hữu khác nhau, và từ các hình thức sở hữu khác nhau mà hình thành các loại hình tổ chức doanh nghiệp khác nhau. Nước ta hiện nay vẫn quan niệm có ba chế độ sở hữu là chế độ sở hữu toàn dân, chế độ sở hữu tập thể và chế độ sở hữu tư nhân. Điều này không phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện đại. Vì thế, hội nhập với kinh tế thị trường hiện đại, nền kinh tế Việt Nam có hai chế độ sở hữu là công hữu và tư hữu, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, hợp tác, bình đẳng, cạnh tranh và cùng phát triển theo pháp luật.

Thứ hai, về thành phần kinh tế. Mặc dù có ý kiến cho rằng không nên sử dụng khái niệm thành phần kinh tế, bởi phạm trù này dễ dẫn đến sự phân biệt như thành phần giai cấp trong thời kỳ trước đổi mới. Tuy nhiên, hiện nay văn kiện đại hội XI nêu ra 4 thành phần kinh tế: thành phần kinh tế nhà nước,

thành phần kinh tế tập thể, thành phần kinh tế tư nhân, thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Ở đây có hai vấn đề cần thảo luận:

(i). Về thành phần kinh tế nhà nước. Sự phân tích ở trên cho thấy quan niệm về phạm trù thành phần kinh tế nhà nước như hiện nay là sự nhầm lẫn về mặt lý luận và không tồn tại trong thực tiễn. Có chăng là có sự tồn tại thành phần kinh tế các doanh nghiệp nhà nước như trong Niên giám thống kê Việt Nam.

(ii). Thành phần kinh tế tập thể với nội hàm là các hợp tác xã cũng không phù hợp, bởi lẽ, các hợp tác xã hiện nay thực chất là một kiểu tổ chức kinh tế cổ phần, và như thế nó thuộc sở hữu tư nhân.

Từ đó, nếu có phân loại thành phần kinh tế, thì nền kinh tế Việt Nam hiện nay có 3 thành phần là *thành phần kinh tế các doanh nghiệp nhà nước, thành phần kinh tế tư nhân và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.*

Thứ ba, về vị trí, vai trò của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Từ hai chế độ sở hữu, ba thành phần kinh tế trên đây hình thành lên các loại hình doanh nghiệp như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ở đây cần xác định rõ vị trí, vai trò chức năng nhiệm vụ của các loại hình doanh nghiệp.

Như đã nói, trong mọi xã hội, doanh nghiệp là nguồn gốc sự giàu có của xã hội, bởi lẽ với chức năng của mình, doanh nghiệp là nơi duy nhất tạo ra của cải của xã hội. Của cải được tạo ra càng nhiều, chất lượng càng tốt, kinh doanh càng có hiệu quả và lợi nhuận cao thì doanh nghiệp phát triển càng mạnh. Còn nếu kinh doanh luôn thua lỗ, mặc dù được ưu ái như các doanh nghiệp nhà nước của ta hiện nay, thì không còn là doanh nghiệp nữa.

Là nguồn gốc của của cải xã hội, đòi hỏi doanh nghiệp kinh doanh phải có hiệu quả. Tuy nhiên, cần phân biệt hiệu quả kinh tế - xã hội và hiệu quả kinh tế thuần, hay lợi nhuận. Lý thuyết kinh tế đã chỉ rõ, hiệu quả kinh tế - xã hội thường gắn với các hàng hóa công cộng, còn hiệu quả kinh tế thuần thường gắn với hàng hóa tư nhân. Hàng hóa công cộng là những hàng hóa liên quan đến an ninh quốc phòng, đến nghiên cứu, phát minh về khoa học công nghệ, liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng,... Đây là những hàng hóa mà tư nhân không được phép làm vì liên quan đến nền an ninh quốc gia; tư nhân không dám làm vì đầu tư có thể gặp nguy hiểm;

hoặc tư nhân không muốn làm, vì đòi hỏi vốn lớn, thu hồi vốn lâu, tỷ suất lợi nhuận thấp. Song nếu thiếu những hàng hóa này thì kinh tế thị trường không thể phát triển được. Còn hàng hóa tư nhân là những hàng hóa thông thường để đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội, và kinh tế học sử dụng phạm trù hiệu quả kinh tế thuần (doanh thu trừ chi phí, hay lợi nhuận) để đo lường hiệu quả của hàng hóa tư nhân.

Kinh nghiệm các nền kinh tế thị trường hiện đại cho thấy, hàng hóa tư nhân do mọi loại hình doanh nghiệp cung ứng, còn hàng hóa công cộng thường do doanh nghiệp nhà nước đảm nhận. Điều này đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh chung cho toàn nền kinh tế.

Ở nước ta doanh nghiệp nhà nước được xác định là đóng vai trò chủ đạo. Điều này như đã nói đang tạo ra những bất bình đẳng trong việc đối xử đối với các doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, đồng thời, cũng ảnh hưởng tới việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Chức năng tạo ra của cải cho toàn xã hội vì thế cũng không được nâng cao. Bất bình đẳng bởi lẽ, Nhà nước vẫn còn rất nhiều ưu ái đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước so với khu vực tư nhân. Kém hiệu quả bởi lẽ trong khi nguồn lực tài chính của Nhà nước còn rất hạn chế, việc đầu tư vốn của Nhà nước vào sản xuất hàng hóa tư nhân như hiện nay càng gây thêm khó khăn cho cân đối ngân sách, làm chậm quá trình hiện đại hóa an ninh quốc phòng, chậm tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, chậm triển khai nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Xuất phát từ đó, chúng tôi cho rằng, cần xác định lại chức năng, vai trò và lĩnh vực hoạt động của các loại hình doanh nghiệp ở nước ta những năm tới. Từ kinh nghiệm các nền kinh tế thị trường hiện đại, chức năng, vai trò và lĩnh vực hoạt động của từng loại hình tổ chức doanh nghiệp ở nước ta những năm tới là:

- Doanh nghiệp nhà nước có chức năng tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội, đóng vai trò mở đường cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Vai trò mở đường là ở chỗ doanh nghiệp nhà nước đi vào nghiên cứu và phát triển những loại hình sản phẩm mới và đến khi sản phẩm đó kinh doanh có lãi và ổn định thì thực hiện chuyển giao cho khu vực tư nhân. Để thực hiện chức năng và vai

trò đó, doanh nghiệp nhà nước được đầu tư phát triển ở những ngành mới và sản xuất hàng hóa công cộng.

- *Doanh nghiệp tư nhân và các loại hình doanh nghiệp khác* (doanh nghiệp có vốn FDI) có chức năng tạo ra hiệu quả kinh tế thuần cho nền kinh tế, thực hiện vai trò động lực phát triển kinh tế. Để thực hiện chức năng và vai trò này doanh nghiệp tư nhân được phát triển trong mọi lĩnh vực sản xuất hàng hóa tư nhân.

Xác định chức năng, vai trò và lĩnh vực hoạt động của các loại hình tổ chức doanh nghiệp như trên sẽ đảm bảo nền kinh tế hoạt động có hiệu quả hơn.

Để thực hiện chức năng, vai trò và lĩnh vực hoạt động của các loại hình doanh nghiệp như trên, những năm tới cần tập trung vào những vấn đề sau:

- Ưu tiên phát triển doanh nghiệp nhà nước ở các

ngành mới và lĩnh vực sản xuất hàng hóa công cộng. Muốn vậy, cần tái cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng đẩy mạnh quá trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa tư nhân hiện nay sang hình thức doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Tập trung hỗ trợ, khuyến khích đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp tư nhân dưới nhiều hình thức tổ chức, nhiều loại hình quy mô, nhiều trình độ công nghệ, trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh dịch vụ nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp FDI sử dụng tiến bộ kỹ thuật và lao động có chất lượng cao, đồng thời có cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI thực hiện chuyển giao kỹ thuật và quản lý cho các doanh nghiệp Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

Đảng cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng cộng sản Việt Nam (2005), Các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, NXB Chính trị quốc gia.

Quốc hội Việt Nam (2004), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tổng cục thống kê (2013), Niên giám thống kê 2012, NXB Thống kê.

Thông tin tác giả:

***Mai Ngọc Cường**, Giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu: Kinh tế chính trị, Quản lý nhà nước về kinh tế.

- Một số tạp chí tiêu biểu đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, tạp chí Nghiên cứu kinh tế,

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: cuong.ktpt@gmail.com